TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE** Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST Ngày: 23/5/2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Bà Nguyễn Thị Bé Em

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Minh C,** sinh năm 1981;

Thường trú: số A khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Cư trú: số B khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông **Trương Thành T**, sinh năm 1979;

Cư trú: số A khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Bà C có mặt; Ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2023, bản tự khai, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Minh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và chồng bà là ông Trương Thành T đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2005 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau

đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, quá trình chung sống, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, đánh vợ, không quan tâm đến gia đình, hai con chung nhiều lần chứng kiến. Sau khi nhậu về thì ông T có hành vi đánh, đuổi bà ra khỏi nhà. Sự việc nghiêm trọng xảy ra cách đây khoảng 03 tháng, ông T nhậu về ban đêm và có hành vi đánh bà, gia đình chồng ở xung quanh có chứng kiến nhưng không ai ngăn cản. Do đây là chuyện nội bộ gia đình, bà không muốn người ngoài biết nên không báo với chính quyền địa phương. Bà nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T vẫn không thay đổi, vẫn nhậu nhẹt như trước. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân thì mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T, bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có với nhau 02 con chung Trương Minh Phúc X, sinh ngày 11/02/2006 và Trường Minh Ngọc Y, sinh ngày 11/02/2008, hiện hai con đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi hai con, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Trương Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông thống nhất lời trình bày của vợ ông là bà Bùi Thị Minh C về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại số A khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Cách đây 03 tháng thì vợ chồng có cãi nhau, ông tức giận nên có tán bạt tay vợ, sau đó ông thấy có lỗi nên đã xin lỗi vợ. Ngày 08/02/2023, ông đi làm ăn xa (đi theo ghe). Đến ngày 09/3/2023, khi ông quay về nhà thì ông phát hiện vợ và hai con đã dọn về cha mẹ ruột sinh sống tại số B khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ông có lại nhà bà C để kiếm bà C và hai con thì phía gia đình bà C ngăn cản không cho ông gặp bà C và hai con. Nay, ông xác định còn thương bà C nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông và bà C có với nhau 02 con chung tên Trương Minh Phúc X, sinh ngày 11/02/2006 và Trường Minh Ngọc Y, sinh ngày 11/02/2008, hiện đang sống chung với bà C. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Minh C trình bày: giữa bà và ông T không thể hàn gắn tình cảm, bà đã cho ông T nhiều cơ hội để thay đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã có thời gian ly thân, thời gian ly thân mạnh ai nấy sống. Do đó, đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung, hiện nay hai con chung do bà trực tiếp nuôi

dưỡng, hai cháu cũng có nguyện vọng sống chung với bà nên đề nghị Tòa án giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung. Bà không còn yêu cầu nào khác.

Ông Trương Thành T vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C; Về con chung, giao hai con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung các đương sự đều khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: căn cứ đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Minh C đề ngày 08/02/2023 (BL05) cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 3 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn ông Trương Thành T có nơi cư trú tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Đối chiếu điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà C và ông T đăng ký kết hôn vào ngày 2005 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (BL07). Việc đăng ký kết hôn giữa bà C và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2023 và bản tự khai ngày 03/4/2023 (BL28), bà C trình bày hiện nay vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T hay nhậu nhẹt, đánh vợ và không quan tâm gia đình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2023 (BL31), ông T thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau và ông có tức giận nên có đánh bạt tay bà C. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T thực tế có xảy ra, nguyên nhân chính là do bà C, ông T bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần đến Tòa án nhằm tạo điều kiện cho ông và bà C hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên ông T vắng mặt, như vậy ông T có ý thức bỏ mặt việc bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn và không có ý định hòa giải đoàn tụ. Bên cạnh đó, bà C và ông T trình bày thống nhất vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Từ các tài liệu chứng cứ trên, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C là phù hợp. Bà C và ông T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[3] Về con chung: bà C và ông T đều trình bày hiện nay con chung đang sống chung với bà C, do bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi nguyện vọng con chung ngày 14/4/2023, cháu X và cháu Yđều trình bày hiện nay hai cháu đang sống chung với mẹ, quá trình chung sống hai cháu đều thấy cha đi nhậu về là đánh mẹ cho nên từ tháng 02/2023 đến nay hai cháu và mẹ đã chuyển về nhà bà ngoại tại phường Phú Khương sinh sống (BL 34, 35). Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao cháu X và cháu Ycho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: bà C và ông T khai không có nên không xem xét.

[5] Về các vấn đề khác: bà C và ông T khai không có nợ chung nên không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà C phải chịu án phí ly hôn với số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Minh C về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" với bị đơn ông Trương Thành T, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị Minh C được ly hôn với ông Trương Thành T.

- Về con chung: giao cháu Trương Minh Phúc X, sinh ngày 11/02/2006 và Trường Minh Ngọc Y, sinh ngày 11/02/2008 cho bà Bùi Thị Minh C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Minh C tạm thời không yêu cầu ông Trương Thành T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, không ai có quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấy đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Bùi Thị Minh C và ông Trương Thành T khai không có nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: bà Bùi Thị Minh C và ông Trương Thành T khai không có nợ chung nên không xem xét.

2. Án phí: Bà Bùi Thị Minh C có nghĩa vụ chịu án phí ly hôn với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số XYZ ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Bùi Thị Minh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Trương Thành T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường P, thành phố B(1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như